



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang  
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Đầu tư số**

56221000014

ngày 18 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2013748074 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Kiên Giang cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014

1701947619

ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hồng Xanh  
Ông Phan Đăng Tuất  
Ông Nguyễn Trí Dũng  
Ông Koo Liang Kwee

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)  
Thành viên  
(đến ngày 2 tháng 6 năm 2022)  
Thành viên  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Ông Teo Hong Keng

Ông Lê Văn Thập

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Yến  
Ông Nguyễn Văn Minh  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều  
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Trưởng ban  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Xuân Tùng

Quyền Giám đốc  
(từ ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Phó Giám đốc  
(đến ngày 5 tháng 4 năm 2022)

Ông Lê Văn Thập

Giám đốc  
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Ông Trần Tuấn Anh

Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc  
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành  
Tỉnh Kiên Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 12 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00430-22-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

1/5/ H N K

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>337.510.185.134</b>	<b>329.830.147.571</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20.301.601.457</b>	<b>15.059.227.807</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>235.917.325.380</b>	<b>162.088.324.375</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	222.557.843.122	148.552.742.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.682.242.402	10.055.222.139
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.677.239.856	3.480.359.583
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>77.928.343.069</b>	<b>149.001.657.590</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.362.915.228</b>	<b>3.680.937.799</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.743.349.461	2.713.788.936
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		192.163.231	243.154.783
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.427.402.536	723.994.080

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>808.889.889.001</b>	<b>877.176.643.526</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.950.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.800.000.000	1.950.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>677.375.590.952</b>	<b>733.453.042.865</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	675.955.199.344	731.965.756.717
Nguyên giá	222		1.036.169.503.059	1.026.046.004.848
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(360.214.303.715)	(294.080.248.131)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.420.391.608	1.487.286.148
Nguyên giá	228		1.696.095.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.703.887)	(208.809.347)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>96.744.006.440</b>	<b>99.563.116.197</b>
Nguyên giá	231		112.948.785.557	112.948.785.557
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.204.779.117)	(13.385.669.360)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.175.948.794</b>	<b>7.704.057.006</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.175.948.794	7.704.057.006
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.794.342.815</b>	<b>34.506.427.458</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	26.342.128.368	33.620.027.651
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	886.399.807
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		565.814.640	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.146.400.074.135</b>	<b>1.207.006.791.097</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.100.145.230.488</b>	<b>1.094.682.587.182</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>723.934.242.510</b>	<b>647.131.748.260</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	27.005.904.991	51.818.656.200
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.451.846.773	7.744.503.743
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	262.621.271.132	260.230.910.866
Phải trả người lao động	314		6.174.903.056	4.623.476.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.878.849.591	7.490.235.604
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.496.515.468	1.833.788.201
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.794.850.704	24.224.075.684
Vay ngắn hạn	320	19(a)	395.291.168.045	289.101.586.845
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		218.932.750	64.514.121
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>376.210.987.978</b>	<b>447.550.838.922</b>
Phải trả dài hạn khác	337		5.744.580.854	4.802.800.854
Vay dài hạn	338	19(b)	369.307.115.368	441.451.008.677
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.159.291.756	1.297.029.391
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>46.254.843.647</b>	<b>112.324.203.915</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>46.254.843.647</b>	<b>112.324.203.915</b>
Vốn cổ phần	411	21	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	14.690.799.990	14.690.799.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		615.665.312	594.076.515
Lỗi lũy kế	421		(84.075.414.487)	(17.981.200.488)
- (Lãi)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(18.396.350.883)	18.923.397.411
- Lỗi năm nay	421b		(65.679.063.604)	(36.904.597.899)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.792.832	20.527.898
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.146.400.074.135</b>	<b>1.207.006.791.097</b>

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hảo  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>614.889.500.870</b>	<b>612.027.225.403</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>597.546.156.676</b>	<b>557.811.884.894</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>17.343.344.194</b>	<b>54.215.340.509</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.840.911.612	5.487.626.999
Chi phí tài chính	22	27	68.021.766.644	64.174.197.013
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		68.021.528.540	64.169.262.451
Chi phí bán hàng	25	28	4.774.603.230	6.140.539.463
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25.512.401.486	26.925.330.065
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(65.124.515.554)</b>	<b>(37.537.099.033)</b>
Thu nhập khác	31		292.589.192	114.346.968
Chi phí khác	32		254.920.523	10.060.836
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>37.668.669</b>	<b>104.286.132</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(65.086.846.885)</b>	<b>(37.432.812.901)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>726.032.389</b>	<b>229.435.291</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>(137.737.635)</b>	<b>(137.737.635)</b>
<b>Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>(65.675.141.639)</b>	<b>(37.524.510.557)</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Lỗ thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(65.675.141.639)	(37.524.510.557)
<b>Trong đó:</b>				
Lỗ sau thuế của Công ty	61		(65.679.063.604)	(37.525.525.865)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.921.965	1.015.308

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
 Quyền Giám đốc



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(65.086.846.885)</b>	<b>(37.432.812.901)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		69.020.059.881	67.383.167.764
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		238.104	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.840.911.612)	(5.126.849.072)
Chi phí lãi vay	06		68.021.528.540	64.169.262.451
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>56.114.068.028</b>	<b>88.992.768.242</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(67.349.382.508)	(32.179.788.473)
Biến động hàng tồn kho	10		70.507.499.881	(51.938.381.109)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(33.629.644.286)	(95.965.121.408)
Biến động chi phí trả trước	12		8.248.338.758	1.707.031.509
			<b>33.890.879.873</b>	<b>(89.383.491.239)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(68.513.978.135)	(63.739.874.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(129.435.291)	(6.923.220.286)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(239.800.000)	(2.151.184.077)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(34.992.333.553)</b>	<b>(162.197.769.726)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(7.595.389.999)	(18.396.087.323)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		13.785.509.311	4.131.571.755
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.190.119.312</b>	<b>(14.264.515.568)</b>



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		622.680.485.164	564.101.018.265
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(588.634.797.273)	(405.779.243.640)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.100.000)	(11.501.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>34.044.587.891</b>	<b>146.819.874.625</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.242.373.650</b>	<b>(29.642.410.669)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>15.059.227.807</b>	<b>44.701.638.476</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>20.301.601.457</b>	<b>15.059.227.807</b>

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
Quyển Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn đồ uống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 1 công ty con như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</b>
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đường 2, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Quản lý và cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ vận tải	99,83%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 138 nhân viên (1/1/2021: 148 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Nhóm Công ty đã phát sinh lỗ thuần sau thuế năm 2021 là 65.675 triệu VND (2020: 37.525 triệu VND) và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty năm 2021 là âm 34.992 triệu VND (2020: âm 162.198 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 386.424 triệu VND (1/1/2021: 317.302 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Hơn nữa, Nhóm Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Nhóm Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 53.239 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 45 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 12 năm
- thiết bị quản lý 5 – 15 năm
- tài sản khác 6 – 10 năm



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Đối với bất động sản đầu tư mua về trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, nguyên giá là giá trị đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

17619  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SÀI GÒN  
KIÊN GIANG  
HÀNH - T

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

**4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Ban Giám đốc Công ty và công ty con đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty và công ty con vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	498.490.879	736.202.518
Tiền gửi ngân hàng	19.803.110.578	14.323.025.289
	<hr/>	<hr/>
	<b>20.301.601.457</b>	<b>15.059.227.807</b>
	<hr/>	<hr/>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam (trước đây là "Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc")	214.330.893.178	142.842.066.995
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.629.426.377	3.218.569.970
Các khách hàng khác	5.597.523.567	2.492.105.688
	<hr/>	<hr/>
	<b>222.557.843.122</b>	<b>148.552.742.653</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.629.426.377	3.218.569.970
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Công ty Cổ phần Hơi Bảo Hòa	2.909.438.968	3.070.266.671
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam (trước đây là "Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Thạnh Lộc")	2.402.990.823	3.907.990.823
Các nhà cung cấp khác	2.369.812.611	3.076.964.645
	7.682.242.402	10.055.222.139

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Lãi trả chậm phải thu từ khách hàng	3.050.679.618	995.277.317
Ký quỹ ngắn hạn	633.818.052	795.804.077
Tạm ứng cho nhân viên	496.107.500	787.457.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.496.634.686	901.820.689
	5.677.239.856	3.480.359.583

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	37.872.887.777	-	27.946.035.433	-
Công cụ và dụng cụ	7.762.174.055	-	5.003.358.875	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.718.376.373	-	20.351.082.410	-
Thành phẩm	12.574.904.864	-	51.246.462.639	-
Hàng hóa	-	-	44.454.718.233	-
	77.928.343.069	-	149.001.657.590	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	246.597.179.407	682.962.945.045	50.003.324.126	45.402.743.088	1.079.813.182	1.026.046.004.848
Tăng trong năm	-	464.808.182	6.058.621.817	-	-	6.523.429.999
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.692.792.109	1.907.276.103	-	-	-	3.600.068.212
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>248.289.971.516</b>	<b>685.335.029.330</b>	<b>56.061.945.943</b>	<b>45.402.743.088</b>	<b>1.079.813.182</b>	<b>1.036.169.503.059</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	42.759.486.392	210.554.988.577	19.344.438.523	20.906.598.317	514.736.322	294.080.248.131
Khấu hao trong năm	9.929.387.268	47.024.284.383	5.384.172.550	3.680.550.191	115.661.192	66.134.055.584
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.688.873.660</b>	<b>257.579.272.960</b>	<b>24.728.611.073</b>	<b>24.587.148.508</b>	<b>630.397.514</b>	<b>360.214.303.715</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	203.837.693.015	472.407.956.468	30.658.885.603	24.496.144.771	565.076.860	731.965.756.717
Số dư cuối năm	195.601.097.856	427.755.756.370	31.333.334.870	20.815.594.580	449.415.668	675.955.199.344

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 13.464 triệu VND (1/1/2021: Không) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 992.282 triệu VND (1/1/2021: 984.625 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	657.695.495	1.696.095.495
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	208.809.347	208.809.347
Khấu hao trong năm	-	66.894.540	66.894.540
Số dư cuối năm	-	275.703.887	275.703.887
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	448.886.148	1.487.286.148
Số dư cuối năm	1.038.400.000	381.991.608	1.420.391.608

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.038 triệu VND (1/1/2021: 1.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	32.183.811.440	35.002.921.197
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.560.195.000	64.560.195.000
	<b>96.744.006.440</b>	<b>99.563.116.197</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 112.949 triệu VND (1/1/2021: 112.949 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	48.388.590.557
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	13.385.669.360
Khấu hao trong năm	2.819.109.757
Số dư cuối năm	16.204.779.117
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	35.002.921.197
Số dư cuối năm	32.183.811.440

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.704.057.006	27.435.037.901
Tăng trong năm	1.071.960.000	2.830.134.811
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.600.068.212)	(21.520.543.432)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(719.377.274)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(321.195.000)
	5.175.948.794	7.704.057.006

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hệ thống Pilot, hệ thống chiết bia thủ công	4.671.214.383	4.548.534.383
Chi phí sửa chữa lớn văn phòng	-	1.692.792.109
Máy cấp nắp tự động	42.504.000	600.158.938
Các công trình khác	462.230.411	862.571.576
	5.175.948.794	7.704.057.006

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Bao bì</b>	<b>Công cụ và</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tổng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>luân chuyển</b>	<b>dụng cụ</b>	<b>khác</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	21.029.720.483	1.277.702.319	6.975.191.384	4.337.413.465	33.620.027.651
Tăng trong năm	-	-	853.057.315	830.216.973	1.683.274.288
Phân bổ trong năm	(407.344.982)	(1.196.500.529)	(4.015.986.092)	(3.341.341.968)	(8.961.173.571)
	20.622.375.501	81.201.790	3.812.262.607	1.826.288.470	26.342.128.368

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	11.332.523.606	6.919.794.797
Công ty TNHH Bao Bì Giấy Việt Trung Long An	2.770.489.260	1.669.075.903
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.198.457.627	4.798.865.449
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.985.236.782	2.749.411.545
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	6.770.290.666
Công ty TNHH NPC Vina	-	14.971.220.000
Các nhà cung cấp khác	8.676.261.496	13.939.997.840
	27.005.904.991	51.818.656.200

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.985.236.782	2.749.411.545
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	-	935.923.051
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	6.770.290.666

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.595.646.571	107.887.255.320	(63.536.334.638)	(44.500.608.152)	-	8.445.959.101
Thuế tiêu thụ đặc biệt	250.915.010.570	468.609.943.570	(466.281.726.834)	-	-	253.243.227.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	129.435.291	726.032.389	(129.435.291)	-	-	726.032.389
Thuế thu nhập cá nhân	590.818.434	806.471.210	(1.886.081.123)	-	694.843.815	206.052.336
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-	-
	260.230.910.866	578.034.702.489	(531.838.577.886)	(44.500.608.152)	694.843.815	262.621.271.132

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	253.098.289	-	-	253.098.289
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	694.843.815	694.843.815
Các loại thuế khác	470.895.791	8.564.641	-	479.460.432
	723.994.080	8.564.641	694.843.815	1.427.402.536

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.464.205.338	3.956.654.933
Chi phí lương, thưởng	-	1.315.400.000
Chi phí xây dựng	-	188.612.319
Chi phí phải trả khác	414.644.253	2.029.568.352
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.878.849.591</b>	<b>7.490.235.604</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	2.883.007.396	16.767.317.060
Cổ tức phải trả	5.750.000.000	5.751.100.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.196.306.412	578.996.412
Phải trả ngắn hạn khác	965.536.896	1.126.662.212
	<hr/>	<hr/>
	<b>12.794.850.704</b>	<b>24.224.075.684</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	180.830.863.517	619.264.485.164	(577.806.723.953)	222.288.624.728
Vay dài hạn đến hạn trả	108.270.723.328	75.252.543.317	(10.520.723.328)	173.002.543.317
	289.101.586.845	694.517.028.481	(588.327.447.281)	395.291.168.045

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang				
- Khoản vay 1 (i)	VND	7,5%	151.811.934.282	150.430.863.517
- Khoản vay 2 (ii)	VND	7,5% - 9,0%	1.474.786.521	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (iii)	VND	7,1%	49.025.801.155	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Kiên Giang (iv)	VND	7,8%	19.976.102.770	30.000.000.000
▪ Ông Tạ Châu Thái (v)	VND	7,5%	-	400.000.000
			222.288.624.728	180.830.863.517

- (i) Khoản vay ngắn hạn này từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”) – Chi nhánh Kiên Giang có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 19(b).

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, VPBank đã đồng ý gia hạn khoản vay có giá trị là 97.750 triệu VND đến hạn trả trong năm 2021 sang 2022 – 2026.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản vay ngắn hạn này từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang có hạn mức tín dụng là 1.752 triệu VND và được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 19(b).
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Maritime Bank”) – Chi nhánh Kiên Giang không có đảm bảo. Theo các điều khoản trong hợp đồng vay, hạn mức tín dụng tối đa mà Maritime Bank cấp cho Công ty là 100.000 triệu VND nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại hợp đồng. Với tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chỉ đủ điều kiện để được cấp hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Chi nhánh Kiên Giang không có đảm bảo. Theo các điều khoản trong hợp đồng vay, hạn mức tín dụng tối đa mà HDBank cấp cho Công ty là 40.000 triệu VND nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại hợp đồng. Với tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chỉ đủ điều kiện để được cấp hạn mức tín dụng là 20.000 triệu VND.
- (v) Khoản vay này không có đảm bảo và đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	542.309.658.685	549.721.732.005
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(173.002.543.317)	(108.270.723.328)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	369.307.115.368	441.451.008.677

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VPBank – Chi nhánh Kiên Giang					
- Khoản vay 3 (i)	VND	9,3%	2022 - 2026	536.531.470.900	544.578.670.900
- Khoản vay 4 (ii)	VND	9,6%	2026	3.108.650.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (vi)	VND	9,6% - 14,2%	2022 - 2024	2.669.537.785	5.143.061.105
				542.309.658.685	549.721.732.005

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay 1 và khoản vay 3 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND (1/1/2021: 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.643 triệu VND) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay 4 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang có hạn mức tín dụng là 3.416 triệu VND. Khoản vay 2 và khoản vay 4 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.413 triệu VND (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 10).
- (vi) Nhóm Công ty có nhiều hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, trong đó hạn mức tín dụng của hợp đồng vay dùng để tài trợ mua tài sản và các hợp đồng vay dùng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty lần lượt là 21.400 triệu VND và 6.908 triệu VND. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 7.255 triệu VND và 34.985 triệu VND (1/1/2021: 7.011 triệu VND và 34.985 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	115.000.000.000	14.631.429.050	2.399.837.602	36.979.526.395	21.250.433	169.032.043.480
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(37.525.525.865)	1.015.308	(37.524.510.557)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(67.300.970)	(216.927)	(67.517.897)
Trích/(hoàn nhập) các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	59.370.940	58.950.024	(117.900.048)	(420.916)	-
Cổ tức	-	-	-	(17.250.000.000)	(1.100.000)	(17.251.100.000)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(1.864.711.111)	-	-	(1.864.711.111)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	115.000.000.000	14.690.799.990	594.076.515	(17.981.200.488)	20.527.898	112.324.203.915
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(65.679.063.604)	3.921.965	(65.675.141.639)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(177.921.598)	(297.031)	(178.218.629)
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	237.228.797	(237.228.797)	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(215.640.000)	-	(360.000)	(216.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	115.000.000.000	14.690.799.990	615.665.312	(84.075.414.487)	23.792.832	46.254.843.647

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	11.500.000	100%

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê phải trả**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.604.500.000	4.350.275.343
Từ hai đến năm năm	8.015.837.671	10.480.337.671
Sau năm năm	1.043.835.617	2.183.835.617
	<hr/>	<hr/>
	12.664.173.288	17.014.448.631
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	19.836	527.538.821	182.835	4.245.417.650
EUR	456	5.945.727	6.985	162.709.063
		<hr/>		<hr/>
		533.484.548		4.408.126.713
		<hr/>		<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	524.801.766.602	546.441.686.525
▪ Bán kết và vỏ chai	60.349.749.366	47.258.810.254
▪ Cung cấp dịch vụ vận tải	13.247.129.197	6.111.634.268
▪ Doanh thu cho thuê	7.127.044.813	6.056.222.484
▪ Doanh thu gia công bia	2.088.675.000	2.095.841.160
▪ Doanh thu khác	7.275.135.892	4.063.030.712
	<b>614.889.500.870</b>	<b>612.027.225.403</b>

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	489.395.922.138	501.780.363.046
▪ Kết và vỏ chai đã bán	60.321.592.567	46.366.314.605
▪ Chi phí khấu hao và phân bổ ghi nhận vào giá vốn do hoạt động dưới công suất thiết kế	14.933.508.572	-
▪ Dịch vụ vận tải đã cung cấp	9.869.825.659	5.205.706.783
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê	2.819.109.757	2.562.329.834
▪ Chi phí gia công bia	1.008.269.672	1.659.709.160
▪ Giá vốn khác	19.197.928.311	237.461.466
	<b>597.546.156.676</b>	<b>557.811.884.894</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lãi trả chậm từ khách hàng	15.675.969.809	4.937.813.146
Lãi tiền gửi	164.941.803	189.035.926
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	360.777.927
	<hr/>	<hr/>
	15.840.911.612	5.487.626.999
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	68.021.528.540	64.169.262.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	238.104	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.934.562
	<hr/>	<hr/>
	68.021.766.644	64.174.197.013
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	134.705.059	858.915.523
Chi phí khấu hao và phân bổ	636.502.032	636.502.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.134.365.281	3.647.159.035
Chi phí bán hàng khác	1.869.030.858	997.962.873
	<hr/>	<hr/>
	4.774.603.230	6.140.539.463
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.392.792.214	8.287.147.563
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.798.687.875	5.121.495.302
Thuế, phí và lệ phí	206.798.689	157.206.299
Chi phí công cụ, dụng cụ	524.341.363	471.220.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.596.047	1.275.970.877
Chi phí quản lý khác	10.351.185.298	11.612.289.386
	<hr/>	<hr/>
	25.512.401.486	26.925.330.065
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	472.719.236.163	430.276.633.363
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.020.059.881	67.383.167.764
Chi phí nhân công và nhân viên	26.603.738.627	32.641.270.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.689.854.397	18.600.923.434
Chi phí khác	32.800.272.324	41.975.759.404
	<hr/>	<hr/>

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	726.032.389	229.435.291
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(137.737.635)	(137.737.635)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	588.294.754	91.697.656
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(65.086.846.885)	(37.432.812.901)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(6.508.684.689)	(3.743.281.290)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.255.968.521	44.942.336
Ưu đãi thuế	-	(98.329.411)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế và đối với công ty con	(2.697.198.010)	(1.501.886.573)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	7.538.208.932	5.390.252.594
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	588.294.754	91.697.656

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	69.893.749.195	9.055.579.238	32.837.757.741	3.721.886.566
Lỗi tính thuế	29.892.098.136	3.872.882.288	13.657.035.711	1.668.366.028
	99.785.847.331	12.928.461.526	46.494.793.452	5.390.252.594

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	13.657.035.711
2026	Chưa quyết toán	16.235.062.425
		29.892.098.136

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ tiếp theo VND</b>
2025	32.837.757.741
2026	37.055.991.454
	<hr/>
	69.893.749.195
	<hr/>

**(d) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**(ii) Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang (“Công ty con”)**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	776.422.286.590	873.364.790.811
Bán dịch vụ	222.717.339	127.609.509
Mua nguyên vật liệu	254.847.944.735	258.258.813.058
Mua hàng hoá khác	-	31.027.500
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Cho thuê kho	4.191.637.140	4.086.846.210
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.910.674.080	12.666.723.876
<b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.782.318.609	8.213.675.828
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lê Hồng Xanh – Chủ tịch	360.000.000	693.333.333
Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên	120.000.000	453.333.333
Ông Nguyễn Trí Dũng – Thành viên	120.000.000	453.333.333
Ông Teo Hong Keng – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Lê Văn Thập – Thành viên	180.000.000	513.333.333
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.493.361.170	4.105.629.472
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Trưởng ban	252.020.000	324.792.222
Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều – Thành viên	60.000.000	60.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng  
Quyền Giám đốc

